CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI: MỘT PHÂN TÍCH THỰC NGHIỆM

● LƯƠNG VĂN LONG

TÓM TẮT:

Bài nghiên cứu phân tích các nguồn tài chính và phát triển xã hội từ quan điểm lý thuyết và thực nghiệm, để biết được những lợi thế và hạn chế của chúng, tác động của chúng đối với việc đạt được tăng trưởng kinh tế và tăng mức độ phúc lợi, cũng như mức độ bổ sung của chúng.

Từ khóa: nguồn tài chính, phát triển xã hội.

1. Đặt vấn đề

Mặc dù không đồng nhất, các nước đang phát triển có những đặc điểm giống nhau khiến họ phụ thuộc mạnh mẽ vào các dòng chảy bên ngoài để thực hiện hoặc củng cố quá trình phát triển của mình. Những đặc điểm này là mức tổng sản phẩm quốc nội (GDP) bình quân đầu người thấp, dân số tăng cao, di cư, mức tiết kiệm trong nước thấp, thiếu vốn và hệ thống tài chính kém phát triển.

Theo Kindleberger (1958) và Nurkse (1995), những đặc điểm này khiến các nền kinh tế kém phát triển nhất phải chịu "vòng luẩn quẩn" sau: họ có mức đầu tư sản xuất rất thấp, gây nguy hiểm cho tăng trưởng kinh tế và tạo ra tình trạng trì trệ, làm giảm khả năng thúc đẩy lợi nhuận kinh doanh và tiền lương cao hơn, làm giảm thu nhập khả dụng và cản trở tiết kiệm trong nước, điều này một lần nữa gây ra tình trạng thiếu đầu tư sản xuất.

Trong bối cảnh đó, "Lý thuyết cú hích lớn" của Rosenstein - Rodan (1961) kết luận rằng các nước đang phát triển cần một "cú hích lớn" cho phép họ tư bản hóa nền kinh tế, tăng chi đầu tư và phát triển công nghiệp hóa đất nước như một cách khắc phục tình trạng kém phát triển. Trong hầu hết các trường hợp, "Cú hích lớn" bao gồm việc đạt được các nguồn lực bên ngoài để tiến hành cải cách và thực hiện các chính sách cho phép họ thoát ra khỏi vòng luẩn quẩn được mô tả ở trên. Các nguồn lực này có thể rất khác nhau về bản chất, như: đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nợ nước ngoài hoặc kiều hối.

Trong nghiên cứu này, mỗi nguồn tài trợ được phân tích từ quan điểm lý thuyết và thực nghiệm, để biết được những lợi thế và hạn chế của chúng, tác động của chúng đối với việc đạt được tăng trưởng kinh tế và tăng mức độ phúc lợi, cũng như mức độ bổ sung của chúng.

2. Các nguồn tài trợ cho phát triển

Theo truyền thống, nguồn tài trợ được sử dụng rộng rãi nhất cho các nước đang phát triển là nợ bên ngoài. Mô hình Obsfeld và Rogoff (1995) chứng minh rằng khả năng tiếp cận các khoản nợ bên ngoài là có lợi từ quan điểm lý thuyết vì nó cho phép tiêu dùng và khả năng đầu tư của một

quốc gia không bị giới hạn trong sản xuất hiện tại của quốc gia đó, do đó đạt được sự phân bổ nguồn lực hiệu quả hơn, tạo ra tăng trưởng kinh tế lớn hơn mức tiết kiệm trong nước đã cho phép và tăng phúc lợi. Tuy nhiên, nếu tình trạng mắc nợ này diễn ra mà không đánh giá khả năng trả nợ của các khoản vay và được sử dụng để tài trợ cho chi tiêu hiện tại thay vì đầu tư sản xuất hoặc các chính sách phát triển, thì mức nợ có thể trở thành gánh nặng cho quốc gia mắc nợ và sẽ cản trở sự phát triển trong tương lai của quốc gia đó (Argandoña et al, 1996).

Một số tác giả như Pattillo et al (2002) ước tính tốc độ tăng trưởng kinh tế của một quốc gia giảm đi 1 điểm phần trăm khi nợ của quốc gia đó tăng gấp đôi. Ngoài ra, các tác giả như Reinhart và Rogoff (2009) khẳng định rằng khi mức nợ nước ngoài của một nền kinh tế mới nổi đạt 30-35% tổng sản phẩm quốc gia, khả năng xảy ra khủng hoảng nợ nước ngoài sẽ tăng lên đáng kể. Do đó, mặc dù trên quan điểm lý thuyết, việc tiếp cận nợ nước ngoài là tối ưu, nhưng thực tế cho thấy không nên sử dụng quá mức các nguồn này và trong mọi trường hợp, hãy sử dụng chúng như một nguồn bổ sung cho các nguồn thay thế khác như nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài, ODA và kiều hối.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là dòng vốn di chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác với ý định mua lại hoặc mở rộng công ty con. Do đó, các đặc điểm chính của nó là chuyển giao các nguồn lực, tìm kiếm lợi nhuận vĩnh viễn và tác động đến các quyết định một cách hiệu quả. Có nhiều tác giả (Solow, 1956; Noorbakhsh và cộng sự, 2001; Sharma và Gani, 2004; Gohou và Soumaré, 2009; Tamer, 2013; Olivié và Pérez, 2015; Adams và Opoku, 2017) và các tổ chức (Liên hợp quốc, 2002; Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển, 2002; Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới, 2012; và Ủy ban châu Âu, 2016, 2017) lập luận rằng về dài hạn, sự gia nhập của FDI là tích cực và đại diện cho một nguồn tài trợ rất quan trọng cho các nước nhận viện trợ. Các dòng vốn này cho phép chuyển giao công nghệ và phổ biến kiến thức, cân bằng tài chính cán cân thanh toán mà không mắc nợ thêm, tạo ra nguồn thu thuế cao hơn, tiếp cận thị trường hàng hóa và khai thác tốt hơn lợi thế so sánh của chúng, tạo ra cơ hội việc làm mới và tăng năng suất, cuối cùng là góp phần xóa nghèo thông qua tăng trưởng kinh tế.

Ngoài ra, một nguồn tài trợ khác vốn có truyền thống trong quá trình phát triển của các nước kém phát triển nhất là ODA. Một phần của tài liệu kinh tế cho rằng, với đặc điểm của viện trợ này có thể phù hợp với các nước có mức thu hút FDI thấp và do đó đóng một vai trò quan trọng như một sự bổ sung cho các nguồn tài trợ khác cho phát triển.

Cuối cùng, kiều hối cũng nên được coi là một nguồn tài trợ ngày càng trở nên quan trọng ở các nước đang phát triển. Có sự đồng thuận trong lý thuyết kinh tế về lợi ích của kiều hối đối với nước nhận, vì chúng đáp ứng các nhu cầu cơ bản, tăng khả năng tiêu dùng và đầu tư, nâng cao sản xuất, thúc đẩy tạo việc làm và thành lập công ty, cho phép tích lũy vốn nhân lực, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức và giảm lao động trẻ em. Các nguồn lực này có xu hướng ổn định và lâu dài hơn các dòng vốn tư nhân và thường có mặt vào những thời điểm viện trợ chính thức bị rút (khủng hoảng kinh tế quốc tế) hoặc không đủ (thiên tai, dịch bệnh).

Về bản chất, các tài liệu kinh tế không kết luận về vai trò của mỗi nguồn tài chính sẵn có ở các nước đang phát triển phải thực hiện để đạt được sự phát triển của họ. Hơn nữa, các nghiên cứu trước đây tập trung sự chú ý vào một số nguồn tài trợ này, nhưng không phải tất cả chúng, rút ra kết luận một phần. Bài viết này nhằm mục đích chứng minh rằng:

- FDI và kiều hối là những nguồn lực có tác động lớn nhất, phù hợp với nhận định của nhiều tác giả và tổ chức.
- Vai trò của ODA trong việc đạt được sự phát triển bị hạn chế hơn, mặc dù không nên loại trừ hoàn toàn vai trò của ODA.
- Nợ nước ngoài sẽ không đóng vai trò tích cực trong việc đạt được mục tiêu này, bằng chứng là

các cuộc khủng hoảng nợ đã ảnh hưởng đến các nước đang phát triển và mới nổi trong 1/4 cuối thế kỷ XX.

3. Mô hình kinh tế lượng

Bài viết đưa ra một phân tích thực nghiệm về tầm quan trọng của từng nguồn vốn được nghiên cứu đối với sự phát triển xã hội của một quốc gia, thông qua việc xây dựng và ước lượng mô hình kinh tế lượng.

Mô hình được xây dựng với biến phụ thuộc là , các biến giải thích là các chỉ số của 4 nguồn tài trợ được phân tích (đầu tư trực tiếp nước ngoài, ODA, nợ nước ngoài và kiều hối) và một số biến kiểm soát các khía cạnh khác ảnh hưởng đến sự phát triển, chẳng hạn như các chỉ số liên quan đến vốn con người, tham nhũng và thu nhập từ tài nguyên thiên nhiên.

Chỉ số phát triển con người (HDI) là một chỉ số tổng hợp, đo lường sự tiến bộ của một quốc gia trên 3 khía cạnh cơ bản của phát triển con người: sự giàu có (được đo bằng tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người), giáo dục (được đo bằng 2 chỉ số: số năm đi học dự kiến và số năm đi học trung bình) và sức khỏe (được đo bằng tuổi thọ trung bình).

Cần nhấn mạnh rằng ý tưởng đằng sau việc đo lường sự tiến bộ của một quốc gia không chỉ bằng sự phát triển của sản xuất, mà còn bằng các yếu tố khác có tác động trực tiếp đến phúc lợi xã hội, đã có từ nhiều năm trước. Theo truyền thống, việc đo lường mức độ phát triển được thực hiện thông qua một chỉ số duy nhất là GDP. Tuy nhiên, các ý kiến đã sớm bắt đầu xuất hiện (Sen, 1979, 1999; Morris, 1979; Streeten et al., 1981; Stewart, 1985; Stiglitz, 2006), trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc định giá sự phát triển không chỉ về mặt kinh tế ("tính hữu dụng" của hàng hóa và dịch vụ được sản xuất) mà còn về cơ hội và năng lực của dân chúng ("phát triển xã hội"). Kể từ đó, đã có sự đồng thuận rộng rãi trong lý thuyết kinh tế về tầm quan trọng của việc đo lường sự phát triển của một quốc gia "theo nghĩa rộng" (cách tiếp cận toàn diện), trong đó chỉ số HDI là đặc biệt có giá trị.

Tuy nhiên, có một số tác giả (Osberg và Sharpe, 2002, trong số những người khác) đặt câu hỏi về việc sử dụng chỉ báo này vì tính đơn giản của các biến được sử dụng để đo 3 chiều. Bất chấp hạn chế này của HDI, nó là một chỉ báo thích hợp cho mô hình kinh tế lượng được đề xuất trong nghiên cứu này vì nó nhằm mục đích phân tích hành vi của các nước đang phát triển, nơi có sự khác biệt lớn về thông tin thống kê. Trong những trường hợp này, HDI trở thành một chỉ số đồng nhất, có thể so sánh được và đó là cách duy nhất để cung cấp dữ liệu cho tất cả các quốc gia trong mẫu. Chỉ số này được sử dụng trong các nghiên cứu chuẩn khác trong lĩnh vực mô hình hóa phát triển kinh tế, chẳng hạn như Sharma và Gani (2004), Kosack và Tobin (2006), Gohou và Soumaré (2009), Reiter và Steensma (2010), Tamer (2013) và Agusty và Damayanti (2015).

Mô hình được sử dụng để đo lường tác động của từng nguồn vốn đối với phát triển được tóm tắt trong phương trình sau:

$$HDI_{it} = \beta_0 + \beta_1 FDI_{it} + \beta_2 ODA_{it} + \beta_3 ED_{it} + \beta_4 REM_{it} + \beta_5 HC_{it} + \beta_6 CO_{it} + \beta_7 NR_{it} + u_{it}$$

Trong đó: β_0 là hệ số chặn của mô hình; β_1,... , β_7 là các hệ số góc của mô hình; u là sai số ngẫu nhiên;

HDI (Human Development Index) là chỉ số phát triển con người, nhân với 100;

FDI (foreign direct investment) là đầu tư trực tiếp nước ngoài. Mô hình được trình bày sử dụng chỉ số dòng vốn ròng tính theo phần trăm GDP, thu được từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Chỉ tiêu này được tính bằng tổng vốn cổ phần, thu nhập tái đầu tư, các hình thức khác của vốn dài hạn và vốn ngắn hạn như được mô tả trong cán cân thanh toán;

ODA (Official development assistance) là khoản hỗ trợ phát triển chính thức ròng nhận được, tính theo phần trăm GDP, từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới. Chỉ tiêu này bao gồm cả giải ngân các khoản vay ưu đãi (ròng từ khoản trả nợ gốc) và các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan chính thức để thúc đẩy phát triển kinh tế

và phúc lợi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trong danh sách các nước nhận ODA của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển (DAC);

ED (external debt) là tổng nợ nước ngoài được tích lũy theo tỷ lệ phần trăm của GDP, cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới;

REM (remittances) là dòng kiều hối tính theo tỷ lệ phần trăm GDP, thu được từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới và được tính bằng tổng chuyển tiền hiện tại của người lao động nhập cư và tiền lương, tiền công mà người lao động không cư trú nhận được;

HC (Human capital) là vốn nhân lực: chỉ tiêu được sử dụng là trung bình cộng của tổng số học sinh theo học bậc trung học và học sinh theo học bậc đại học, bất kể độ tuổi của họ, được biểu thị bằng phần trăm tổng dân số trong độ tuổi chính thức mà họ đang theo học (cả 2 chỉ số đều được lấy từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới);

CO (Corruption) là tham nhũng: chỉ số được sử dụng là Chỉ số Nhận thức Tham nhũng, được Tổ chức Minh bạch Quốc tế công bố hàng năm. Đây là thước đo mức độ tham nhũng mà các chính phủ và quan chức trong một quốc gia nhận thấy (được sử dụng như một đại diện cho mức độ dân chủ). Giá trị chỉ mục dao động trong khoảng từ 0 ("rất hỏng") đến 100 ("rất sạch");

NR (Natural resources) là tài nguyên thiên nhiên: chỉ tiêu được sử dụng là tổng thu nhập từ tài nguyên thiên nhiên (tính theo phần trăm GDP), thu được từ cơ sở dữ liệu của Ngân hàng Thế giới và được tính bằng tổng thu nhập từ dầu mỏ, thu nhập từ khí thiên nhiên, thu nhập từ than (cứng và mềm), thu nhập từ khoáng sản và thu nhập từ rừng.

4. Dữ liệu

Một mẫu đại diện của các quốc gia bao gồm châu Phi cận Sahara, Mỹ Latinh và Caribe, Đông Nam Á và Đông Âu đã được sử dụng cho nghiên cứu. Khoảng thời gian được sử dụng là 20 năm (từ năm 2002 đến năm 2021), bao gồm 277 quan sát.

Tất cả các quốc gia trong mẫu đã có sự cải thiện về HDI của họ trong giai đoạn 2002 - 2021. Trong 20 năm đó, tỷ lệ dân số ở các quốc gia này tăng trung bình 19% (1,2% mỗi năm), với sự cải thiện rõ rệt ở số quốc gia trong mẫu thuộc khu vực châu Phi cận Sahara (30%), so với sự cải thiện ở các khu vực còn lại (12% ở Đông Nam Á và 11% ở Đông Âu, châu Mỹ Latinh và Ca-ri-bê), vì khu vực sau bắt đầu từ một trình độ phát triển cao hơn.

Liên quan đến các nguồn tài trợ được sử dụng ở các quốc gia mẫu, cần làm nổi bật sự gia tăng mạnh mẽ của FDI so với GDP trong giai đoạn được phân tích, đạt 160% (10% hàng năm). Đặc biệt đáng chú ý là dòng chảy của các nguồn tài nguyên này đến các nước mẫu thuộc khu vực châu Phi cận Sahara (365%), so với mức giảm 48% ở Đông Âu và 35% ở Đông Nam Á, cũng như giảm nhẹ tăng trưởng 1% ở Mỹ Latinh và Caribe.

Trong giai đoạn này, kiều hối so với GDP là nguồn tài trợ lớn thứ hai ở các nước mẫu (114 %), nổi bật với sự tăng trưởng mạnh mẽ ở châu Phi cận Sahara (183%), Mỹ Latinh và Caribe (107%) và Đông Âu (57%), trái ngược với dòng chảy thấp hơn của các nguồn tài nguyên này ở các nước Đông Nam Á (5%).

Hai nguồn tài trợ truyền thống đang có xu hướng giảm dần ở tất cả các khu vực được nghiên cứu. Cụ thể, ODA so với GDP đã giảm 32%, đặc biệt là ở Đông Nam Á (91%). Nợ nước ngoài so với GDP đã giảm 37%, vượt 66% ở các nước châu Phi cận Sahara, chủ yếu là nhờ xóa nợ sau Sáng kiến HIPC.

5. Kết quả

Từ kết quả ước lượng mô hình ta thấy, với mức ý nghĩa 5%, cả 4 nguồn tài trợ FDI, ODA, ED, REM đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc, trong các biến kiểm soát được sử dụng thì chỉ có biến HC có tác động đến biến phụ thuộc.

Theo mô hình, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng 10% so với GDP (mức trung bình hàng năm của các nước mẫu cho thấy chính xác là 10% tăng trong thời gian được phân tích), sẽ làm HDI tăng 0,0047 điểm. Sự gia tăng này phù hợp với sự cải thiện HDI hàng năm của các quốc gia mẫu trong giai đoạn 2002 - 2021 (đối với 25 trong số 34 quốc gia được nghiên cứu, tăng trưởng HDI trung bình hàng năm dao động từ 0,004 điểm 0,006).

Mặt khác, dòng kiều hối REM tăng 10% so với GDP (mức tăng trung bình hàng năm ở các nước lấy mẫu là 7%) sẽ tạo ra cải thiện DHI là 0,0152 điểm.

Tuy nhiên, đối với các quốc gia trong mẫu, nợ nước ngoài ED tăng 10% so với GDP làm HDI giảm 0,0015 điểm và tăng khoản hỗ trợ phát triển chính thức ODA 10% so với GDP sẽ dẫn đến HDI giảm 0,0122 điểm.

Mặt khác, trong ba biến kiểm soát được sử dụng, chỉ có vốn con người được coi là đáng kể, thể hiện vai trò quan trọng của nó trong việc cải thiện sự phát triển, chỉ số vốn con người tăng 10% sẽ cải thiện HDI 0,0075 điểm.

Từ quan điểm thực nghiệm, những kết quả này chứng minh rằng FDI là một nguồn tài trợ có tác động trực tiếp và tích cực đến sự phát triển, do đó chứng thực những gì được các tác giả ủng hộ như Noorbakhsh (2001), Sharma và Gani (2004), Gohou và Soumaré (2009), Tamer (2013) và Olivié và Pérez (2015) và các tổ chức và định chế quốc tế như Liên Hợp Quốc (2002), Quỹ Tiền tệ Quốc tế và Thế giới Ngân hàng (2012) và Ủy ban Châu Âu (2016); và đặt câu hỏi về kết luận của các nghiên cứu trước đây vốn không ủng hộ việc sử dụng FDI để đạt được mục tiêu phát triển (Kosack và Tobin, 2006; Reiter và Steensma, 2010). (Bảng 1)

Mô hình cũng cho kết luận rằng ODA không có tác động tích cực đến chỉ số phát triển, phù hợp với những gì các tác giả như Deaton (2013), Moyo (2009) hay Patricof (2005) đã tuyên bố.

6. Hàm ý chính sách và nghiên cứu trong tương lai

Các tài liệu kinh tế, báo cáo của các tổ chức đa phương khác nhau và kết quả của nghiên cứu này chỉ ra tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài và kiều hối đối với sự phát triển. Theo nghĩa đó, một số khuyến nghị chính sách có thể được rút ra từ mô hình.

Với tầm quan trọng của FDI trong việc giảm nghèo và đạt được phát triển bền vững, mục tiêu của các quốc gia này là thu hút các nguồn lực trên tinh thần lâu dài. Tuy nhiên, để các lợi ích của FDI được thực hiện, điều cần thiết là sự gia nhập của các dòng chảy này, nói chung là thông qua các công ty đa quốc gia, không có nghĩa là mất chủ quyền hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên và cơ cấu của quốc gia sở tại cho phép chia sẻ công bằng lợi ích đầu tư.

Thật vậy, phù hợp với những gì đã được đề xuất bởi một số tổ chức quốc tế (Ủy ban châu Âu, 2017, trong số những tổ chức khác) để thu hút thêm FDI và để đảm bảo rằng nguồn tài trợ này có tác động mong muốn, các quốc gia này nên thực hiện một môi trường thuận lợi cho đầu tư (củng cố khuôn khổ pháp lý, quy định và hành chính nhằm tạo ra sự chắc chắn về mặt pháp lý và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập các công ty; phát triển hệ thống tài chính hoạt động và minh bạch; thúc đẩy thị trường lao động hiệu quả và công bằng dựa trên nguồn nhân lực và phát triển giao thông vận tải, cơ sở hạ tầng năng lượng và truyền thông và các dịch vụ công cộng).

Ngoài ra, để tăng hiệu quả của dòng kiều hối nhằm đạt được sự phát triển toàn diện, cần giảm chi

Bảng 1. Tổng hợp kết quả

Dependent Variable: HDI				
Included observations: 277				
Variable	Coefficient	Std. Error	t-Statistic	Prob.
C	0.003	0.004	0.75	0.453
FDI	0.047***	0.012	3.92	0.003
ODA	-0.122**	0.054	2.23	0.026
ED	-0.015**	0.007	2.21	0.028
REM	0.152**	0.064	2.38	0.018
HC	0.075**	0.032	2.34	0.021
CO	-0.028	0.032	0.88	0.382
NR	-0.116	0.072	1.61	0.108
R-squared 0.921			F-statistic 405.08	
Adjusted R-squared 0.904			Prob(F-statistic) 0.000	
** có ý nghĩa thống kê mức 5%				
*** có ý nghĩa thống kê mức 1%				

phí chuyển tiền bằng cách tăng cạnh tranh trên thị trường kiều hối, tăng mức độ tiếp cận dịch vụ ngân hàng hoặc tận dụng công nghệ mới (Ratha và Mohapatra, 2010).

Hơn nữa, nếu mục tiêu là đạt được sự phát triển bao trùm, thì nên kết hợp các nguồn lực tài chính từ viện trợ chính thức với các nguồn lực từ vốn tư nhân theo con đường đầu tư trực tiếp. Sự kết hợp các nguồn tài trợ này ngày càng được các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, Ủy ban Châu Âu hoặc các ngân hàng phát triển khu vực sử dụng nhiều hơn thông qua tài chính hỗn hợp.

Cuối cùng, trong khi nghiên cứu này đã xác định được ảnh hưởng tích cực, đáng kể của FDI và kiều hối đến HDI, nghiên cứu có thể được hoàn thành, như một hướng nghiên cứu trong tương lai, với việc kết hợp vào mô hình các biến giải thích của thương mại quốc tế và gia tăng dân số, phân tích theo nhóm quốc gia, hoặc nghiên cứu tác động của FDI theo lĩnh vực đầu tư.

7. Kết luận

Bài viết này cung cấp một phân tích thực nghiệm về tầm quan trọng của từng nguồn vốn đối với sự phát triển của một quốc gia, thông qua việc xây dựng mô hình kinh tế lượng của dữ liệu mảng. Mô hình được sử dụng chứng minh, đối với các quốc gia được chọn mẫu, tầm quan trọng của nguồn vốn tư nhân thông qua FDI trong việc đạt được sự phát triển do các tác động trực tiếp và gián tiếp của chúng (tạo việc làm, chuyển giao công nghệ và kiến thức, tạo nguồn thu công, cải thiện cơ sở hạ tầng xã hội), phù hợp với những gì các tác giả khác như Solow (1956), Noorbakhsh và cộng sự (2001), Adams và Opoku (2017), và các tổ chức (chẳng hạn như Liên Hợp quốc, IMF, Ngân hàng Thế giới và Ủy ban châu Âu) khẳng định. Nghiên cứu cũng chứng minh vai trò liên quan của kiều hối đối với sự phát triển vì chúng ổn định và lâu dài hơn so với dòng vốn tư nhân và có tác động trực tiếp đến việc đáp ứng các nhu cầu cơ bản.

Mặt khác, ODA không đóng góp tích cực vào thành tựu của sự phát triển (phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Deaton, Bauer, Moyo hoặc Patricof). Tuy nhiên, kết hợp với một quá trình giám sát và đánh giá tác động liên tục, nó sẽ làm giảm sự bất bình đẳng, do đó có thể được sử dụng như một nguồn tài trợ bổ sung để cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản và thiết lập một môi trường thể chế, pháp lý thuận lợi cho đầu tư tư nhân và thương mại quốc tế.

Cuối cùng, nợ nước ngoài sẽ có tác động tiêu cực đến thành tựu phát triển (như được chứng minh bởi một số tác giả, chẳng hạn như Reinhart và Rogoff, Patillo và cộng sự hoặc Argando#a và cộng sự) và do đó, việc sử dụng nó nên được hạn chế tùy theo khả năng của quốc gia để đảm nhận một mức nợ nhất định và hướng đến việc tài trợ cho các dự án phát triển hơn là các khoản chi tiêu hiện tại.

Tóm lại, 4 nguồn tài chính được phân tích có thể được coi là bổ sung cho nhau để thúc đẩy phát triển bền vững, toàn diện và cuối cùng là góp phần xóa đói giảm nghèo, mặc dù đầu tư trực tiếp nước ngoài có vai trò quan trọng hơn nhiều trong việc đạt được mục tiêu này. Do đó, nhiệm vụ của tất cả các bên liên quan (các công ty, tổ chức tài chính, ngân hàng phát triển, chính phủ) là tìm ra sự phối hợp giữa sáng kiến tư nhân và đóng góp cho sự phát triển của quốc gia tiếp nhận ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Adams, S. and Opoku, E.E.O. (2017). BRIC versus OECD foreign direct investment impact on development in Africa. In Wamboye, E. and Tiruneh, E. (Eds), *Foreign Capital Flows and Economic Development in Africa,* Palgrave Macmillan, New York, NY.

2. Addison, T., Morrissey, O. and Tarp, F. (2017). The macroeconomics of aid: overview, *The Journal of Development Studies,* 53(7), 987-997.

3. Agusty, G.J. and Damayanti, S.M. (2015). The effect of foreign direct investment & official development assistance to human development index of developing countries in 2009-2013, *Journal of Business and Management,* 4(8), 882-889.

4. Argandoña, A., Gámez, C. and Mochón, F. (1996). **Macroeconomía Avanzada I**. [Advanced Macroeconomy I], McGrawHill, Madrid.

5. Kindleberger, C.P. (1958). *Economic Development,* Graw Hill, New York, NY.

6. Nurkse, R. (1995). *Problemas de Formación de Capital en Los Paises Insuficientemente Desarrollados.* [Capital Formation Problems in Underdeveloped Countries], Fondo de Cultura Económica, Ciudad de México.

7. Obstfeld, M. and Rogoff, K. (1995). Foundations of International Macroeconomics, *The MIT Press, Cambridge.*

8. Olivié, I. and Pérez, A. (2015). Inversión directa extranjera (IDE) y desarrollo. [foreign direct investment (FDI) and development], D*ocumentos de Trabajo Cooperación Española 2015,* 5, 56-61.

9. Osberg, L. and Sharpe, A. (2002). An index of economic well-being for selected OECD countries, *Review of Income and Wealth,* 48(3), 291-316.

Ngày nhận bài: 8/3/2023
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 8/4/2023
Ngày chấp nhận đăng bài: 17/4/2023

Thông tin tác giả:
LƯƠNG VĂN LONG
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

AN EMPIRICAL ANALYSIS ABOUT FINANCIAL RESOURCES AND SOCIAL DEVELOPMENT

● **LUONG VAN LONG**
National Economics University

ABSTRACT:
This paper analyzes financial resources and social development from theoretical and empirical perspectives in order to understand their advantages and limitations, their impact on the economic growth and welfare, and their complementarity.

Keywords: financial resources, social development.